TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và ông Trịnh Ngọc Thành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phu Cấm C** – sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà 31B, phố 1, ấp 4, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Hà Quang H** – sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp 4, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Chị C và anh H đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2019, bản tự khai ngày 18/02/2019, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của nguyên đơn chị Phu Cấm C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Hà Quang H tự nguyện tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2012. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không chung thủy và có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc hay cãi nhau và xô xát, đánh đập. Chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh H không chịu thay đổi. Từ tháng 2/2016 cho đến nay hai người không còn chung sống với nhau và không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Hà Quang H.

- Về nuôi con chung: Chị C trình bày có 01 (một) con chung tên là Hà Kim U – sinh ngày 09/6/2012. Chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, tạm thời không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị C kê khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

- *Theo đơn bản tự khai ngày 08/4/2019 của bị đơn anh Hà Quang H trình bày*:

- Về hôn nhân: Theo chị C trình bày như trên là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau, sống không hạnh phúc. Từ tháng 02 năm 2016 đến nay hai người không còn sống chung. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị.

- Về nuôi con chung: Anh H trình bày có 01 (một) con chung tên là Hà Kim U – sinh ngày 09/6/2012. Anh H đồng ý giao con chung cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H kê khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng theo Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị C là có cơ sở. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Qua chứng cứ thu thập được thì chị C có đủ điều kiện nuôi con chung. Đề nghị giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Hà Quang H cư trú tại ấp 4, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Tân Phú có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2] Về tư cách đương sự: Chị Phu Cấm C khởi kiện xin ly hôn với anh Hà Quang H nên chị C là nguyên đơn, anh H là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh H nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị C và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử có đủ sơ sở xác định: Cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị C đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn nhưng cả hai người không đưa ra giải pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình mà tự chấm dứt cuộc sống chung. Tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…có nghĩa vụ sống chung với nhau*". Tuy nhiên, kể từ tháng 02 năm 2016 đến nay, anh chị đã không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng mà bỏ mặc nhau. Qua xác minh tại địa phương (bút lục 32, 33, 34 và 35) do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vì vậy thường hay cãi nhau. Tòa án đã nhiều lần mời anh chị đến để hòa giải, hàn gắn tình cảm cho hai người nhưng không tiến hành hòa giải được.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được. Chị C xin ly hôn với anh H đồng thời anh H cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị được ly hôn với anh H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Hà Kim U – sinh ngày 09/6/2012; hiện cháu U đang sống chung với chị C.

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị C là người có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Từ khi hai người không còn sống chung thì chị là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con tốt, phát triển bình thường. Đồng thời, anh H cũng đồng ý giao con chung cho chị nuôi dưỡng nên để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu U và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu U cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung anh H và chị C có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phu Cấm C. Cho chị C được ly hôn với anh Hà Quang H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hà Kim U – sinh ngày 09/6/2012 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh H và chị C có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phu Cấm C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số 006471 ngày 19/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chU thành án phí. Chị C đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị C và anh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
-UBND xã P(Số 27, qU số:01, ngày đăng ký 14/02/2012) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi .....giờ .....phút, ngày 10 tháng 5 năm 2019

Tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Văn Hải và ông Trịnh Ngọc Thành.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 51/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phu Cấm C** – sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà 31B, phố 1, ấp 4, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Hà Quang H** – sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp 4, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Chị C và anh H đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I. THỦ TỤC TỐ TỤNG:

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân…….

1/ Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, sự vắng mặt của các đương sự:

- Bị đơn anh Hà Quang H có nơi cư trú tại ấp 4, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

- Chị Phu Cấm C khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh H, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; chị là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị là nguyên đơn, anh H là bị đơn.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân ……: Đồng ý.

Ý kiến của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý.

Biểu quyết: ***3/3.***

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân ……**:**

2/ Về điều luật áp dụng: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân ……..: Đồng ý.

Ý kiến của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý.

Biểu quyết: ***3/3***

II. NỘI DUNG:

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân…….**:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phu Cấm C. Cho chị C được ly hôn với anh Hà Quang H.

Về nuôi con chung: Giao cháu Hà Kim U – sinh ngày 09/6/2012 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh H và chị C có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân.....: Đồng ý.

Ý kiến của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý.

Biểu quyết: ***3/3***

III. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC:

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân .....**:**

- Về án phí: Chị Phu Cấm C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số 006471 ngày 19/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chU thành án phí. Chị C đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo**:** Theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân .....: Đồng ý.

Ý kiến của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý.

*Biểu quyết: **3/3***

IV. QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phu Cấm C. Cho chị C được ly hôn với anh Hà Quang H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hà Kim U – sinh ngày 09/6/2012 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh H và chị C có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phu Cấm C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số 006471 ngày 19/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chU thành án phí. Chị C đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị C và anh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân …….. và ý kiến của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý biểu quyết: 3/3 về Quyết định của Hội đồng xét xử.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA